



Số: 599../2025/EIB/TB-TGD

V/v công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2024 của Eximbank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....HCM.....ngày 24 tháng 01 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

### 1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

- Mã chứng khoán: EIB

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

- Điện thoại: (028) 3821 0056

Fax: (028) 3914 2457

- Email: [eximbank.cbtt@eximbank.com.vn](mailto:eximbank.cbtt@eximbank.com.vn)

Website: <https://eximbank.com.vn>

### 2. Nội dung thông tin công bố

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2024.

- Văn bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng vào ngày 24/01/2025 tại đường dẫn <https://eximbank.com.vn/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

#### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2024
- Văn bản giải trình biến động lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu. KTTH&T.



Số: 598.../2025/EIB/TB-TGD

HCM ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v giải trình biên động lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) riêng lẻ và hợp nhất quý 4 năm 2024 của Ngân hàng đã công bố thông tin ngày 24/01/2025;

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“EIB”) giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 thay đổi so với cùng kỳ năm trước như sau:

### 1. Đối với BCTC Riêng lẻ

Trước tình hình vẫn còn khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước, Eximbank đã nỗ lực và đạt được kết quả vượt bậc trong năm 2024.

Tổng tài sản đạt 240.024.816 triệu đồng, tăng 19,02% (trương đương 38.352.114 triệu đồng) so với đầu năm. Trong đó, huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt 167.821.263 triệu đồng, tăng 7,13% (trương đương 11.167.211 triệu đồng) so với đầu năm. Dự nợ cấp tín dụng đạt 168.230.081 triệu đồng, tăng 19,72% (trương đương 27.706.157 triệu đồng) so với đầu năm.

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 là 1.409.649 triệu đồng, tăng 630.896 triệu đồng (tỷ lệ tăng 81,01%) so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

*DVT: triệu đồng, %*

| Chỉ tiêu                                      | Quý IV/2024 | Quý IV/2023 | Tăng (+)/ Giảm (-) |        |
|---|-------------|-------------|--------------------|--------|
|   |             |             | Triệu đồng         | %      |
| Thu nhập lãi thuần                            | 1.514.543   | 1.393.116   | 121.427            | 8,72   |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                | 739.849     | 126.008     | 613.841            | 487,14 |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối   | 185.171     | 24.113      | 161.058            | 667,93 |
| Lãi/ (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 1.005       | (18.731)    | 19.736             |        |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                   | 555.595     | 601.548     | (45.953)           | (7,64) |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần               | 384         | 324         | 60                 | 18,52  |
| Chi phí hoạt động                             | 953.442     | 894.614     | 58.828             | 6,58   |

|                                  |                  |                |                |              |
|----------------------------------|------------------|----------------|----------------|--------------|
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 264.956          | 254.471        | 10.485         | 4,12         |
| <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b> | <b>1.778.149</b> | <b>977.293</b> | <b>800.856</b> | <b>81,95</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>        | <b>1.409.649</b> | <b>778.753</b> | <b>630.896</b> | <b>81,01</b> |

(i) Thu nhập lãi thuần tăng 121.427 triệu đồng (tỷ lệ tăng 8,72%) so với cùng kỳ năm trước.

(ii) Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 613.841 triệu đồng (tỷ lệ tăng 487,14%) so với cùng kỳ năm trước.

(iii) Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 161.058 triệu đồng (tỷ lệ tăng 667,93%) so với cùng kỳ năm trước.

(iv) Lãi thuần từ hoạt động khác giảm 45.953 triệu đồng (tỷ lệ giảm 7,64%) so với cùng kỳ năm trước.

(v) Chi phí hoạt động tăng 58.828 triệu đồng (tỷ lệ tăng 6,58%) so với cùng kỳ năm trước.

(vi) Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 10.485 triệu đồng (tỷ lệ tăng 4,12%) so với cùng kỳ năm trước.

## 2. Đối với BCTC Hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 là 1.435.504 triệu đồng, tăng 630.955 triệu đồng (tỷ lệ tăng 78,42%) so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

*ĐVT: triệu đồng, %*

| Chỉ tiêu                                      | Quý IV/2024      | Quý IV/2023      | Tăng (+)/ Giảm (-) |              |
|---|------------------|------------------|--------------------|--------------|
|   |                  |                  | Triệu đồng         | %            |
| Thu nhập lãi thuần                            | 1.518.085        | 1.397.536        | 120.549            | 8,63         |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ                | 742.070          | 128.466          | 613.604            | 477,64       |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối   | 185.171          | 24.113           | 161.058            | 667,93       |
| Lãi/ (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 1.005            | (18.731)         | 19.736             |              |
| Lãi thuần từ hoạt động khác                   | 596.076          | 639.687          | (43.611)           | (6,82)       |
| Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần               | 384              | 324              | 60                 | 18,52        |
| Chi phí hoạt động                             | 967.366          | 909.440          | 57.926             | 6,37         |
| Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng              | 264.956          | 254.471          | 10.485             | 4,12         |
| <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>              | <b>1.810.469</b> | <b>1.007.484</b> | <b>802.985</b>     | <b>79,70</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                     | <b>1.435.504</b> | <b>804.549</b>   | <b>630.955</b>     | <b>78,42</b> |

Lý do tương tự như Báo cáo tài chính riêng lẻ.

Trân trọng.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông TGD (đề b/c)
- Lưu. KTTH&T.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HỒ HOÀNG VŨ**